



TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/6/2021)
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/6/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2021 và bổ nhiệm lại ngày 24/6/2021) (Quyền Tổng Giám đốc đến ngày 23/02/2021)
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/4/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 22/3/2022, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- (1) Như trình bày tại Mục 5.3, 5.4, 5.5 thuộc Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, công nợ phải thu tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội bao gồm một số khoản công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp cũng như khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các khoản công nợ phải thu khách hàng phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán. Đối với những công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/9/2014, theo Công văn 2230/BCT-CNNg ngày 20/3/2017 của Bộ Công thương về việc đề nghị xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, Bộ Công thương yêu cầu Tổng Công ty tiến hành rà soát, chuẩn bị tài liệu và hồ sơ có liên quan trong đó có hồ sơ các khoản công nợ phải thu khó đòi, kèm theo hồ sơ công tác quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần để trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và bốn Công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có các khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

- (2) Như trình bày tại Mục 5.3, 5.5, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong vụ án đang được điều tra xảy ra tại Xí nghiệp kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp - Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) nên Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ tồn đọng này.
- (3) Như trình bày tại Mục 5.8, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, toàn bộ tiền thuê đất, tiền thuê nhà và tiền chậm nộp phát sinh từ các năm tài chính trước đến hết ngày 31/12/2021 nhưng chưa được hạch toán vào chi phí phát sinh tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Công ty con) và đang được hạch toán trên tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Do đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên với giá trị tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Như trình bày tại Mục b, 5.19, Phần 5 “Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất”, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2021, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định. Tại ngày phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và bốn Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

Như trình bày tại mục 7.2, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1 - Công ty con của Tổng Công ty đã trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Do đó, Tổng công ty đã trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 14/2022/UQ-CPA VIETNAM
ngày 03/01/2022 của Phó Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Trần Minh Nghiệp
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4937-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.542.639.048.706	1.657.102.513.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.893.949.777	86.242.526.302
1. Tiền	111		23.693.949.777	71.082.526.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.200.000.000	15.160.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	87.111.431.395	106.897.001.258
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.467.690.500	1.467.690.500
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		85.643.740.895	105.429.310.758
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		800.138.562.852	941.466.143.028
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	701.295.243.374	825.084.846.683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.373.230.708	69.652.543.064
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	103.711.412.674	97.827.272.526
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(53.046.823.904)	(51.904.019.245)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	535.223.165.765	457.908.536.257
1. Hàng tồn kho	141		535.937.427.765	459.532.933.621
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(714.262.000)	(1.624.397.364)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.271.938.917	64.588.307.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	788.780.886	382.403.872
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.596.980.291	62.365.578.699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	886.177.740	1.840.324.520
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		944.775.444.422	967.361.685.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.479.611.519	2.078.539.958
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.479.611.519	2.078.539.958
II. Tài sản cố định	220		656.519.988.390	687.035.292.346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	623.028.590.199	652.548.268.035
- Nguyên giá	222		1.018.750.966.872	1.014.670.070.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(395.722.376.673)	(362.121.802.613)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	33.491.398.191	34.487.024.311
- Nguyên giá	228		39.650.654.206	39.650.654.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.159.256.015)	(5.163.629.895)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	27.476.651.755	28.256.636.225
- Nguyên giá	231		33.027.988.644	33.027.988.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.551.336.889)	(4.771.352.419)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	88.640.656.931	103.736.445.398
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		88.640.656.931	103.736.445.398
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	31.463.374.559	43.093.374.559
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.896.459.553	11.416.459.553
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.566.915.006	20.046.915.006
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	11.630.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		138.195.161.268	103.161.397.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	138.195.161.268	103.161.397.214
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.487.414.493.128	2.624.464.199.636

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.016.319.563.860	1.150.938.847.949
I. Nợ ngắn hạn	310		962.865.625.728	1.095.687.733.158
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	260.590.283.397	238.982.068.276
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.675.892.870	103.290.716.333
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	63.585.376.167	70.686.193.893
4. Phải trả người lao động	314		43.177.157.940	44.930.061.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	22.271.299.924	17.736.317.161
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		98.836.779	98.836.775
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.560.021.352	1.529.422.101
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	58.537.121.964	58.840.141.235
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	461.772.635.152	544.881.030.806
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.207.352.488
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.597.000.183	12.505.592.920
II. Nợ dài hạn	330		53.453.938.132	55.251.114.791
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	44.488.229.193	44.488.229.193
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.963.557.681	1.953.769.681
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	7.002.151.258	8.809.115.917
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.471.094.929.268	1.473.525.351.687
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	1.471.094.929.268	1.474.193.627.520
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.227.046.285	32.227.046.285
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.849.833.773)	(11.865.267.735)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.600.213.061)	(12.543.193.873)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(249.620.712)	677.926.138
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		36.285.608.718	36.399.740.932
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	(668.275.833)
1. Nguồn kinh phí	431		-	(668.275.833)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.487.414.493.128	2.624.464.199.636

Người lập



Đào Văn Thắng

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.220.904.272.797	1.386.125.233.531
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	72.986.100	7.477.158
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.220.831.286.697	1.386.117.756.373
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.086.932.706.510	1.260.802.464.173
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		133.898.580.187	125.315.292.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	5.690.121.251	9.545.662.950
7. Chi phí tài chính	22	6.5	32.216.585.698	22.603.940.495
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.032.174.923	21.319.332.162
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	4.448.157.514	3.649.272.754
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	98.117.276.566	102.006.707.704
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		4.806.681.660	6.601.034.197
12. Thu nhập khác	31	6.8	5.064.632.548	5.723.984.258
13. Chi phí khác	32	6.9	8.696.828.754	4.367.206.282
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.632.196.206)	1.356.777.976
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.174.485.454	7.957.812.173
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.089.675.048	2.056.412.703
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		84.810.406	5.901.399.470
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		49.613.384	5.858.652.701
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		35.197.022	42.746.769
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	0,35	18

Người lập



Đào Văn Thắng

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc




Lê Quốc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.174.485.454	7.957.812.173
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		40.907.580.492	41.213.785.084
- Các khoản dự phòng	03		232.669.295	2.800.504.756
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		231.034.663	(386.668.915)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.045.455.480)	(9.257.505.971)
- Chi phí lãi vay	06		31.032.174.923	21.319.332.162
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	56.979.370
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		72.532.489.347	63.704.238.659
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		243.691.071.290	(275.241.753.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(77.020.433.276)	(153.650.208.627)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(161.010.750.705)	68.171.978.475
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(35.839.623.730)	1.377.393.077
- Tiền lãi vay đã trả	14		(30.851.244.402)	(19.610.425.041)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.800.131.790)	(2.161.333.034)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		630.361.468	2.472.264.677
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.881.523.929)	(3.982.922.423)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		1.450.214.272	(318.920.768.209)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(11.615.453.137)	(20.222.342.027)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		6.323.887.314	1.122.828.286
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(74.643.740.895)	(112.258.346.922)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.059.310.758	132.600.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	42.980.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.532.650.156	9.247.817.482
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		29.656.654.196	53.469.956.819

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		795.835.992.895	1.040.268.132.553
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(880.879.980.446)	(760.553.135.986)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(85.043.987.551)</i>	<i>279.714.996.567</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(53.937.119.083)	14.264.185.177
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		86.242.526.302	71.966.134.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(411.457.442)	12.206.347
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	31.893.949.777	86.242.526.302

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập



Đào Văn Thắng

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

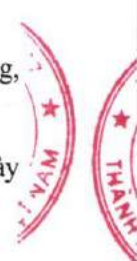
Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2021 là: 959 người (tại ngày 01/01/2021 là 958 người).



1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
II. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
III Đơn vị trực thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty là có thể so sánh được.

1.6 Đặc điểm hoạt động trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ đầu năm 2021, Đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Tổng công ty chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch này. Do vậy, Doanh thu và kết quả hoạt động trong năm tài chính 2021 của Tổng Công ty có sự sụt giảm đáng kể so với năm trước. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do Tổng Công ty không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty không nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán Cổ phần hóa

Tại ngày phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà

Số năm

40 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng Quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.804.811.478	4.670.944.822
Tiền gửi ngân hàng	19.889.138.299	66.411.581.480
Các khoản tương đương tiền (*)	8.200.000.000	15.160.000.000
Tổng	31.893.949.777	86.242.526.302

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 2% /năm - 4 % /năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(**) CONTREXIM (7.625 CP)	378.200.000	89.975.000	-	378.200.000	378.200.000	-
(**) ABBANK (26.943 CP)	1.089.430.000	595.440.300	-	1.089.430.000	1.089.430.000	-
EIB (5 CP)	60.500	168.500	-	60.500	60.500	-
Tổng	1.467.690.500	685.583.800	-	1.467.690.500	1.467.690.500	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định căn cứ vào số lượng và giá đóng cửa của cổ phiếu đó trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 31/12/2021.

(**) Là khoản đầu tư tài chính của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh trước thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp). Tại thời điểm phát hành báo cáo này, việc xử lý khoản đầu tư tài chính nêu trên cùng với các khoản đầu tư khác đang chờ kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP. Do vậy, Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b.1 Ngắn hạn	(*)	85.643.740.895	85.643.740.895	105.429.310.758	105.429.310.758
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)</i>					
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội		11.000.000.000	11.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm		-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu		8.500.000.000	8.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		5.000.000.000	5.000.000.000	21.500.000.000	21.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		-	-	4.580.000.000	4.580.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng</i>					
Ngân hàng HDBank - Phòng giao dịch Lương Định Của		-	-	48.849.310.758	48.849.310.758
Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội		48.643.740.895	48.643.740.895	-	-
b.2 Dài hạn	(**)	-	-	11.630.000.000	11.630.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng</i>					
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		-	-	11.630.000.000	11.630.000.000
Tổng		85.643.740.895	85.643.740.895	117.059.310.758	117.059.310.758

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, với lãi suất từ 4%/năm - 5,8%/năm.

(**) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng, với lãi suất là 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh	123.507.495	(*)	-	9.643.507.495	(*)	-
Liên doanh tòa nhà IBC 37 Tràng Thi	23.507.495		-	23.507.495		-
Công ty Cổ phần Công đoàn Giấy	100.000.000		-	100.000.000		-
{1} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia	-		-	9.520.000.000		-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.772.952.058	(*)	-	1.772.952.058	(*)	-
{2} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	1.772.952.058		-	1.772.952.058		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.566.915.006	(*)	-	20.046.915.006	(*)	-
{1} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia	9.520.000.000		-	-		-
{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	3.381.542.806		-	3.381.542.806		-
{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.432.012.200		-	1.432.012.200		-
{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	14.383.360.000		-	14.383.360.000		-
a. Vốn góp của cán bộ, công nhân viên	12.905.000.000		-	12.905.000.000		-
b. Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (khoản đầu tư của Mecanimex)	1.478.360.000		-	1.478.360.000		-
Công ty CP Café HASA	850.000.000		-	850.000.000		-
Tổng	31.463.374.559		-	31.463.374.559		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{1} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sáng lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu là 2,149%. Tại ngày 31/12/2021, khoản đầu tư này được phân loại lại sang mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” do Công ty không có quyền kiểm soát đối với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia.

{2} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.

{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 31/12/2021, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng (Tổng Công ty nhận được khoản cổ tức của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang công ty cổ phần).

{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.

{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

(a): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu;

(b): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty (thực chất là khoản đầu tư của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí).

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	701.295.243.374	825.084.846.683
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	43.745.832.863	222.253.121.905
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.754.923.370	42.754.923.370
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	21.283.283.733	26.156.548.333
Công ty TNHH 289	58.391.769.610	60.091.769.610
Công ty Cổ phần Nam Vang	47.836.854.941	48.086.854.941
Công ty TNHH đầu tư và thương mại công nghiệp Hưng Phát	34.193.157.715	15.865.088.679
Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179	16.167.109.268	15.033.421.201
Công ty cổ phần kết cấu thép và thiết bị nâng Việt Nam	31.493.410.547	16.801.608.080
{1} Công ty Cổ phần Thép Hà Nội	27.264.461.695	27.264.461.695
{1} Công ty TNHH SX và TM Thế Anh	3.230.706.858	3.230.706.858
{2} Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ và Thương mại Việt Nam	28.315.360.500	28.315.360.500
{2} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	30.724.132.541	30.724.132.541
{3} Công ty CP TM & SX Thiên Hoàng Long	18.150.532.523	18.219.848.123
{3} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí	1.798.433.890	1.798.433.890
{4} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.382.735.339	7.033.714.478
Thu đối tượng khác	289.562.537.981	261.454.852.479
Tổng	701.295.243.374	825.084.846.683

Phải thu khách hàng bao gồm những khoản công nợ tồn đọng của các Công ty con của Tổng Công ty. Gồm:

(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 30.495.168.553 đồng. Đây là khoản công nợ có liên quan đến vụ án và cùng một đối tượng là ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2013, ông Nguyễn Duy Xuyên xác nhận đã mượn tiền của Công ty TNHH SX và TM Thế Anh với số tiền 3.250.000.000 đồng (Giấy mượn tiền) và Công ty TNHH SX và TM Thế Anh sẽ thanh toán khoản công nợ phải thu với số tiền là 3.230.706.858 đồng (phải thu phát sinh từ giao dịch cung cấp thép) cho Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp khi ông Xuyên trả lại số tiền đã mượn. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2014, Công ty TNHH SX và TM Thế Anh có đề nghị bù trừ công nợ. Tuy nhiên, do ông Xuyên đang bị tạm giam điều tra nên việc bù trừ này chưa được thực hiện.

Ngoài khoản công nợ phải thu nói trên, Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp còn các khoản vay với tổng số tiền là 50.928.533.938 đồng, bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 đồng do Xí nghiệp Kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu của khách hàng (Tiếp theo)

doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 đồng do Công ty đứng tên trên hợp đồng vay hộ Xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung số tiền 266.725.076 đồng, cá nhân Bà Trần Thị Thuộc số tiền 77.820.037 đồng và Công ty Cổ phần sản xuất Thép Mitsu Vina số tiền 1.331.179.529 đồng. Ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị tạm giam để điều tra do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự.

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/7/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/9/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật hình sự 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

Theo Bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14, 15/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29, 30/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Tại ngày 12, 13, 14 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Duy Xuyên và đồng phạm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1, Điều 267; Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a của Bộ Luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho ngân hàng Agribank chi nhánh Nam Hà Nội số tiền 24.990.000.000 đồng và ngân hàng Vietinbank Đông Hà Nội số tiền 24.262.809.296 đồng. Trong đó Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường 30.000.000.000 đồng, Thân Thị Nhậm phải bồi thường 19.252.809.296 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung gửi đơn kháng cáo số 96/CV-CKQT ngày 24/02/2020 gửi tòa án nhân dân TP. Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ngân hàng Vietinbank trả lại cho Công ty Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 đồng và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu của khách hàng (Tiếp theo)

(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Techno Import) với số tiền là 59.039.493.041 đồng quá hạn thanh toán tính đến 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty) phát sinh từ những giao dịch bán hàng hóa. Hiện tại, công ty này cùng với Công ty mẹ đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền và thực hiện thoái vốn theo chủ trương, do vậy, Công ty TechnoImport chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tồn đọng này.

(3) Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán 3 năm hoặc thu hồi chậm với số tiền là 19.948.966.413 đồng, trong đó, công nợ phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thiên Hoàng Long với số tiền là 18.150.532.523 đồng.

(4) Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội đã quá hạn thanh toán trên 04 năm với số tiền là 6.382.735.339 đồng.

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	-	5.165.866.189
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công nghệ Nước	-	7.029.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	4.433.353.943	-
Công ty TNHH Hoàng Nam (*)	6.683.910.393	6.683.910.393
Chi nhánh Cty TNHH TM và DV Sài Gòn CALI (*)	8.028.886.473	8.028.886.473
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên (*)	4.045.239.997	4.045.239.997
Công ty TNHH Trà - Cà phê Trường Thọ (*)	1.206.227.898	1.206.227.898
Công ty CP Cà phê HASA (*)	585.238.528	585.238.528
Các khách hàng khác	22.390.373.476	36.908.173.586
Tổng	47.373.230.708	69.652.543.064

(*) Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, bao gồm khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng mua hàng hóa (phát sinh trước thời điểm 30/9/2014) nhưng đã bị hủy mà Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa thu hồi được với số tiền là 20.549.503.289 đồng. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí vẫn đang chờ các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khoản công nợ này khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	103.711.412.674	(243.533.062)	97.827.272.526	(243.533.062)
Phải thu về cổ phần hóa	5.254.084.019	-	5.254.084.019	-
Phải thu người lao động	168.277.281	-	168.277.281	-
Ký cược, ký quỹ	11.527.435.270	-	6.843.307.884	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	1.304.044.621	-	501.307.122	-
Tạm ứng	20.131.086.581	-	17.176.449.331	-
{1} Ông Nguyễn Duy Xuyên	48.134.425.710	-	48.134.425.710	-
Phải thu khác	17.192.059.192	(243.533.062)	19.749.421.179	(243.533.062)
{2} Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
Phải thu khác tại TechNo	945.773.885	(243.533.062)	709.673.062	(243.533.062)
Thu khác	10.130.868.375	-	12.924.331.185	-
b) Dài hạn	2.479.611.519	-	2.078.539.958	-
Tiền GPMB chờ bù trừ tiền thuê đất hàng năm	1.640.947.019	-	1.873.018.019	-
Ký cược, ký quỹ	183.000.000	-	205.521.939	-
Phải thu khác	655.664.500	-	-	-
Tổng	106.191.024.193	(243.533.062)	99.905.812.484	(243.533.062)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung

Đây là khoản công nợ có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã được trình bày chi tiết tại TM số (1) - Mục 5.02. “Phải thu khách hàng”.

(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật

Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu đầy đủ theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/4/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế. Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) - Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004 - 2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 24/11/2014, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 đồng của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật.

Ngày 12/6/2015, Bộ Tài chính đã có văn bản số 7818/BTC-TCĐN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu “Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin bổ sung về việc thoái vốn tại Techno Import: ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport. Ngày 22/6/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/8/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT- CN về phương án thoái vốn của MIE tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCĐN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty TechnoImport. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty vẫn đang trong quá trình thoái vốn tại Công ty TechnoImport.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn						
Phải thu của khách hàng	114.703.965.909	61.900.675.067	(52.803.290.842)	115.511.161.250	63.850.675.067	(51.660.486.183)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.296.370.548	-	(2.296.370.548)
Công ty CP Cơ khí Điện lực Công ty TNHH 289	2.342.718.153	-	(2.342.718.153)	2.342.718.153	-	(2.342.718.153)
Công ty Cổ phần Nam Vang	58.391.769.610	28.999.542.548	(29.392.227.062)	60.091.769.610	30.699.542.548	(29.392.227.062)
Công ty Cổ phần Nam Vang	47.836.854.941	32.712.077.784	(15.124.777.157)	48.086.854.941	32.962.077.784	(15.124.777.157)
Công ty tư vấn Công trình thủy I	62.004.000	-	(62.004.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường sông Dinh	19.526.259	-	(19.526.259)	-	-	-
Công ty XNK Nông sản thực phẩm Đà Nẵng	35.943.400	-	(35.943.400)	-	-	-
Công ty TNHH NN MTV đóng tàu Phà Rừng	25.331.000	-	(25.331.000)	-	-	-
Xí nghiệp sản xuất ống thép hàn cơ khí Quang Trung	100.000.000	-	(100.000.000)	-	-	-
Ông Thành (Khu tập thể 23B Lê Đại Hành)	16.000.000	-	(16.000.000)	16.000.000	-	(16.000.000)
Công ty Cổ phần Lisemco	594.642.814	-	(594.642.814)	594.642.814	-	(594.642.814)
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	630.182.449	189.054.735	(441.127.714)	630.182.449	189.054.735	(441.127.714)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Bắc Thành Công	1.163.622.735	-	(1.163.622.735)	1.163.622.735	-	(1.163.622.735)
Công ty TNHH Cơ Điện Đại Dương	212.000.000	-	(212.000.000)	212.000.000	-	(212.000.000)
Công ty CP TVTK và Dịch vụ Đầu tư	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-	-	-
Phải thu khác	243.533.062	-	(243.533.062)	243.533.062	-	(243.533.062)
Công ty Cung ứng Thiết bị điện	16.503.327	-	(16.503.327)	16.503.327	-	(16.503.327)
Công ty Hoài Nam	119.559.455	-	(119.559.455)	119.559.455	-	(119.559.455)
Công ty Mía đường Đắc Lắc	107.470.280	-	(107.470.280)	107.470.280	-	(107.470.280)
Tổng	114.947.498.971	61.900.675.067	(53.046.823.904)	115.754.694.312	63.850.675.067	(51.904.019.245)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.998.950.773	-	23.672.948.723	-
Công cụ, dụng cụ	6.778.214.874	-	6.941.448.343	-
Chi phí SXKD dở dang	416.067.383.855	(714.262.000)	358.874.603.326	(791.339.999)
Thành phẩm	57.545.986.881	-	49.753.397.761	(833.057.365)
Hàng hoá	21.607.094.123	-	18.514.155.159	-
Hàng gửi bán	1.939.797.259	-	1.776.380.309	-
Tổng	535.937.427.765	(714.262.000)	459.532.933.621	(1.624.397.364)

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	788.780.886	382.403.872
Công cụ, dụng cụ phân bổ	744.069.149	368.935.522
Chi phí trả trước chờ phân bổ	44.711.737	13.468.350
b) Dài hạn	138.195.161.268	103.161.397.214
Tiền thuê đất trả trước	70.573.950.738	72.175.648.640
Tiền đền bù GPMB	2.411.996.529	2.529.654.897
Tiền thuê nhà và chậm nộp tại 97 Trần Phú, Hải Phòng (*)	2.955.222.122	-
Tiền thuê đất và tiền chậm nộp tại 16-18 Tràng Thi (*)	13.383.066.357	12.033.482.962
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	48.870.925.522	16.422.610.715
Tổng	138.983.942.154	103.543.801.086

(*) Tiền thuê đất, tiền thuê nhà và tiền chậm nộp phát sinh từ các năm tài chính trước đến hết ngày 31/12/2021 nhưng chưa được hạch toán vào chi phí phát sinh tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Công ty con).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	564.368.006.273	397.519.364.177	47.500.715.264	1.723.899.934	3.558.085.000	1.014.670.070.648
Tăng trong năm	6.082.280.280	11.089.860.776	1.731.305.496	182.658.909	-	19.086.105.461
Mua trong năm	-	3.452.336.636	1.141.089.115	182.658.909	-	4.776.084.660
XDCB hoàn thành	4.982.280.280	6.203.733.898	590.216.381	-	-	11.776.230.559
Tăng khác (*)	1.100.000.000	1.433.790.242	-	-	-	2.533.790.242
Giảm trong năm	261.932.578	10.679.536.705	4.029.203.590	34.536.364	-	15.005.209.237
Thanh lý, nhượng bán	-	10.679.536.705	3.683.415.590	34.536.364	-	14.397.488.659
Giảm khác	261.932.578	-	345.788.000	-	-	607.720.578
Số dư tại ngày 31/12/2021	570.188.353.975	397.929.688.248	45.202.817.170	1.872.022.479	3.558.085.000	1.018.750.966.872
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	130.971.340.241	202.342.739.133	27.333.016.292	1.292.413.012	182.293.935	362.121.802.613
Tăng trong năm	16.505.123.080	19.159.823.831	3.600.019.860	122.539.002	99.752.130	39.487.257.903
Khấu hao trong năm	16.505.123.080	18.804.535.830	3.600.019.860	122.539.002	99.752.130	39.131.969.902
Giảm trong năm	-	2.533.257.748	3.318.889.731	34.536.364	-	5.886.683.843
Thanh lý, nhượng bán	-	2.533.257.748	2.963.601.730	34.536.364	-	5.531.395.842
Giảm khác	-	-	355.288.001	-	-	355.288.001
Số dư tại ngày 31/12/2021	147.476.463.321	218.969.305.216	27.614.146.421	1.380.415.650	282.046.065	395.722.376.673
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	433.396.666.032	195.176.625.044	20.167.698.972	431.486.922	3.375.791.065	652.548.268.035
Tại ngày 31/12/2021	422.711.890.654	178.960.383.032	17.588.670.749	491.606.829	3.276.038.935	623.028.590.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

- (*) Tăng khác: Giá trị còn lại tài sản cải tạo sửa chữa theo văn bản chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng khai thác dự án tòa nhà dịch vụ tổng hợp đa năng tại số 16-18 Tràng Thi: 1.100.000.000 đồng và một số tài sản khác được phân loại lại.
- Tại ngày 31/12/2021, Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.703.160.809 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 32.629.299.132 đồng).
 - Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai bà Trưng, Thành phố Hà Nội làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31/12/2021 là: 28.141.141.988 đồng và tại ngày 31/12/2020 là: 28.922.840.378 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	37.220.221.480	2.430.432.726	39.650.654.206
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	37.220.221.480	2.430.432.726	39.650.654.206
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	4.154.603.922	1.009.025.973	5.163.629.895
Khấu hao trong năm	812.581.872	183.044.248	995.626.120
Số dư tại ngày 31/12/2021	4.967.185.794	1.192.070.221	6.159.256.015
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	33.065.617.558	1.421.406.753	34.487.024.311
Tại ngày 31/12/2021	32.253.035.686	1.238.362.505	33.491.398.191

5.11 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	33.027.988.644	-	-	33.027.988.644
Nhà	33.027.988.644	-	-	33.027.988.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ	4.771.352.419	779.984.470	-	5.551.336.889
Nhà	4.771.352.419	779.984.470	-	5.551.336.889
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	28.256.636.225	-	779.984.470	27.476.651.755
Nhà	28.256.636.225	-	779.984.470	27.476.651.755

Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng thuộc Tòa nhà SME Hoàng Gia có địa chỉ tại số XQ8C+9R9, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và nhà xưởng có địa chỉ tại số 133, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.3 với số tiền lần lượt là 2.775.006.112 đồng và 811.529.110 đồng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án di dời cơ sở sản xuất cũ và xây dựng nhà xưởng mới của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	-	-	1.533.252.865	1.533.252.865
Dự án Di chuyển và xây dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	88.458.583.295	88.458.583.295	96.567.561.625	96.567.561.625
Khác	182.073.636	182.073.636	5.635.630.908	5.635.630.908
Tổng	88.640.656.931	88.640.656.931	103.736.445.398	103.736.445.398

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	260.590.283.397	249.186.422.806	238.982.068.276	227.578.207.685
Công ty Cổ phần Trường Nhật	8.621.521.221	8.621.521.221	22.121.521.221	22.121.521.221
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	15.049.709.150	15.049.709.150	-	-
Công ty cổ phần thiết bị cầu trục Việt Nhật	14.516.421.532	14.516.421.532	14.516.421.532	14.516.421.532
Công ty cổ phần kết cấu thép và thiết bị nâng Việt Nam	19.275.878.160	19.275.878.160	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Trung Anh	17.986.031.910	17.986.031.910	7.456.167.400	7.456.167.400
Công ty CP Kim khí Quốc tế Việt Nhật	14.016.075.404	14.016.075.404	-	-
Phải trả tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp	11.403.860.591	(*)	11.403.860.591	(*)
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Nam Hà Nội	-	-	16.227.499.000	16.227.499.000
Các đối tượng khác	159.720.785.429	159.720.785.429	167.256.598.532	167.256.598.532
Tổng	260.590.283.397	249.186.422.806	238.982.068.276	227.578.207.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Phải trả người bán (Tiếp theo)

- (*) Liên quan đến vụ án đang được điều tra tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Giám đốc xí nghiệp là ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị giam giữ để điều tra vì có những dấu hiệu cố ý làm sai quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế và gây ra hậu quả nghiêm trọng. Khoản nợ phải trả các đối tượng gồm: Công ty Minh Bạch: 3.110.952.400 đồng; Công ty CP Thép Á Châu: 3.465.841.933 đồng; NM Thép Việt Mỹ - Công ty TNHH Minh Bạch: 1.565.485.884 đồng; Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD: 3.261.580.374 đồng. Tại 31/12/2021, khoản công nợ này xác định khó có khả năng chi trả.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2021
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	17.573.123.545	10.692.507.350	11.705.528.391	16.560.102.504
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	50.608.372	50.608.372	2.209.306.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.732.177.127	1.089.675.075	8.166.524.582	15.655.327.620
Thuế thu nhập cá nhân	238.079.183	690.559.069	662.904.979	265.733.273
Tiền thuê đất	12.035.724.626	4.023.919.664	2.676.161.271	13.383.483.019
Phải nộp khác	13.213.401.881	817.130.982	1.203.490.643	12.827.042.220
Tổng	70.686.193.893	17.364.400.512	24.465.218.238	63.585.376.167
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	994.759.595	980.170.605	-	14.588.990
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp	444.927.506	-	133.607.208	578.534.714
Thuế thu nhập cá nhân	102.164.994	12.772.439	3.370.724	92.763.279
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Tiền thuê đất	167.969.703	457.136.874	395.483.582	106.316.411
Phải thu khác	130.062.797	36.646.676	118.300	93.534.421
Tổng	1.840.324.520	1.486.726.594	532.579.814	886.177.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Chi phí phải trả	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	22.271.299.924	17.736.317.161
Lãi vay phải trả	5.489.572.161	5.394.614.881
Chi phí thuê Văn phòng, nhà xưởng	15.114.124.518	10.738.978.135
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Chi phí phải trả khác	232.330.624	167.451.524
b) Dài hạn	44.488.229.193	44.488.229.193
Chi phí phải trả về dự án di dời nhà máy	42.693.535.457	42.693.535.457
Chi phí phải trả khác	1.794.693.736	1.794.693.736
Tổng	66.759.529.117	62.224.546.354
5.16 Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.560.021.352	1.529.422.101
Cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.560.021.352	1.529.422.101
Tổng	1.560.021.352	1.529.422.101
5.17 Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	58.537.121.964	58.840.141.235
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	819.768.524	372.964.820
Bảo hiểm xã hội	2.015.439.189	1.359.214.551
Bảo hiểm y tế	657.688.218	425.790.417
Bảo hiểm thất nghiệp	293.161.001	173.883.897
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	723.500.000	723.500.000
Phải trả chậm nộp thuế	14.581.502.901	14.581.502.901
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.283.074.091	24.040.296.609
b) Dài hạn	1.963.557.681	1.953.769.681
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.963.557.681	1.953.769.681
Tổng	60.500.679.645	60.793.910.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	461.772.635.152	410.844.101.214	769.677.873.913	865.889.527.856	544.881.030.806	493.952.496.868
Vay ngân hàng (VND)	427.684.410.003	378.431.600.707	769.677.873.913	865.889.527.856	523.896.063.946	474.643.254.650
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	92.574.604.670	92.574.604.670	322.765.319.323	466.314.113.283	236.123.398.630	236.123.398.630
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long	-	-	7.700.118.690	7.700.118.690	-	-
Tài khoản thấu chi NH TMCP HD Bank	-	-	132.822.168	9.881.657.680	9.748.835.512	9.748.835.512
Ngân hàng TMCP HD Bank	-	-	2.751.184.863	45.119.437.027	42.368.252.164	42.368.252.164
{2} Ngân hàng TMCP VietinBank Thanh Xuân	28.579.172.035	28.579.172.035	38.469.692.115	28.677.845.185	18.787.325.105	18.787.325.105
{3} NH TMCP Quân đội - CN Thăng Long	33.640.147.575	33.640.147.575	46.764.760.012	52.977.018.955	39.852.406.518	39.852.406.518
{4} NH TMCP Vietcombank Thành Công	8.712.244.106	8.712.244.106	14.848.265.452	9.909.741.027	3.773.719.681	3.773.719.681
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	-	-	49.571.837.980	104.778.703.323	55.206.865.343	55.206.865.343
{5} Ngân hàng Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	181.639.373.415	181.639.373.415	273.904.421.410	92.265.047.995	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	8.443.473.485	16.966.192.745	8.522.719.260	8.522.719.260
{6} Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	24.262.809.296	(*)	-	-	24.262.809.296	(*)
{7} Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nam Hà Nội	24.990.000.000	(*)	-	-	24.990.000.000	(*)
{8} Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	28.960.080.491	28.960.080.491	-	3.000.000.000	31.960.080.491	31.960.080.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CNTL	-	-	-	28.299.651.946	28.299.651.946	28.299.651.946
{9} Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Hoàn Kiếm	4.325.978.415	4.325.978.415	4.325.978.415	-	-	-
Vay ngân hàng (USD)	17.079.405.377	17.079.405.377	13.460.600.351	9.908.662.062	13.527.467.088	13.527.467.088
Ngân hàng TMCP HD Bank	-	-	-	4.328.489.416	4.328.489.416	4.328.489.416
{5} Ngân hàng Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	7.880.427.705	7.880.427.705	13.460.600.351	5.580.172.646	-	-
{10} Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - CN Thăng Long	9.198.977.672	9.198.977.672	-	-	9.198.977.672	9.198.977.672
Vay Cá nhân	11.410.915.167	11.333.095.130	12.101.320.000	2.550.000.000	1.859.595.167	1.781.775.130
Ông Nguyễn Văn Giáp	600.000.000	600.000.000	700.000.000	100.000.000	-	-
Ông Lê Huy Hải	-	-	150.000.000	150.000.000	-	-
Ông Vũ Trung Kiên	230.000.000	230.000.000	230.000.000	-	-	-
Bà Phạm Thị Thắm	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	574.312.603	574.312.603	-	850.000.000	1.424.312.603	1.424.312.603
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037	(*)	-	-	77.820.037	(*)
Cá nhân khác	5.928.782.527	5.928.782.527	7.021.320.000	1.450.000.000	357.462.527	357.462.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổ chức khác	1.597.904.605	-	-	-	1.597.904.605	-
Công đoàn Công ty	266.725.076	-	-	-	266.725.076	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.331.179.529	-	-	-	1.331.179.529	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
{11} Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
b) Vay dài hạn	7.002.151.258	7.002.151.258	833.039.192	2.640.003.851	8.809.115.917	8.809.115.917
Vay ngân hàng						
{12} Ngân hàng TMCP Quân đội	7.002.151.258	7.002.151.258	833.039.192	2.147.797.872	8.316.909.938	8.316.909.938
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	-	-	-	492.205.979	492.205.979	492.205.979
Tổng	468.774.786.410	417.846.252.472	796.072.833.456	880.988.193.769	553.690.146.723	502.761.612.785

Thông tin các khoản vay:

{1} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/31009/HĐTD ngày 28/10/2021. Cụ thể:

Hạn mức vay: 500.000.000.000 đồng;

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng thế chấp bất động sản đã được giao kết và bằng toàn bộ số dư tiền gửi của khách hàng trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác cùng với các đảm bảo khác;

Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin các khoản vay (Tiếp theo)

- {2} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT127-CKHN ngày 16/08/2021
Hạn mức vay: 29.000.000.000 đồng;
Lãi suất vay: Lãi suất được quy định cụ thể trên từng Giấy Nhận Nợ và lãi suất có thể thay đổi theo từng lần giải ngân;
- {3} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 48967.21.054.34801.TD ngày 30/09/2021
Hạn mức vay: 65.000.000.000 đồng;
Lãi suất vay: Lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng và có thể thay đổi theo từng lần giải ngân;
- {4} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng Số: 01/2021/CTD/356987 ngày 01/06/2021
Hạn mức vay: 40.000.000.000 đồng;
Lãi suất vay: Lãi suất theo từng lần nhận nợ;
- {5} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 511/2021/HDTD/HDG/01 ngày 25/10/2021
Hạn mức vay: 250.000.000.000 đồng;
Lãi suất vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.
Mục đích vay: +) Sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công cơ khí và thương mại thép, thương mại linh kiện và thiết bị cơ khí.
+) Tái tài trợ dư nợ số dư HMTD ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), mục đích phục vụ hoạt động sản xuất gia công cơ khí và thương mại thép, thiết bị cơ khí.
Tài sản đảm bảo:
+) Tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 439774 số vào sổ cấp GCN: CT 28963 do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/12/2019.
+) Máy móc/thiết bị: Trung tâm gia công ngang 4D, Model HCN-8800. Nhãn hiệu: Yamazaki Mazak. Số lượng 01. Xuất xứ: Nhật Bản. Năm sản xuất: 2018..
+) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TP Bank, hưởng Lãi suất: 5,1%/năm

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin các khoản vay (Tiếp theo)

{6} Hợp đồng tín dụng số 160-11/2011/HĐTD ngày 30/6/2011, cụ thể:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng;

Lãi suất vay: Thả nổi (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng 21% / năm);

Mục đích sử dụng: Vay vốn lưu động để kinh doanh;

Biện pháp bảo đảm: Cho vay không có tài sản đảm bảo, thực hiện biện pháp bổ sung tài sản đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình;

{7} Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201000188 ngày 31/5/2011 và phụ lục số 01 ngày 08/9/2011, cụ thể:

Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;

Thời hạn hạn mức tín dụng: Đến hết ngày 31/5/2012

Lãi suất vay: Lãi suất điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 19% / năm);

Biện pháp bảo đảm: Dùng tài sản thế chấp là hàng tồn kho (theo Hợp đồng số 10/HĐTC/NHN-XNKTH ngày 22/4/2012);

{8} Hợp đồng tín dụng số 1220-LAV-201800795 ngày 22/11/2018, cụ thể:

Hạn mức vay: 45.900.000.000 đồng;

Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ;

Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

Theo Phụ lục của hợp đồng tín dụng trên ký ngày 10/04/2020, hai bên đã thống nhất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vay của Hợp đồng tín dụng trên, theo đó:

Toàn bộ số dư của các khế ước nhận nợ của hợp đồng này (trừ các khế ước có thời hạn đến hạn trả nợ trong năm 2021) đã được gia hạn thêm 12 tháng; đồng thời, lãi vay cũng được thanh toán vào cuối kỳ khi thanh toán nợ gốc vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin các khoản vay (Tiếp theo)

{9} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 315/2021/HDTD/HGM/01 ngày 20/12/2021

Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng;

Lãi suất: không cố định, được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

{10} Hợp đồng tín dụng số 77/10/TL/HN ngày 02/8/2010, cụ thể:

Gốc vay tính đến thời điểm 30/6/2021: 428.507 USD;

Khoản vay này Công ty không nhận được thông báo tính lãi từ năm 2014 đến nay.

{11} Khoản vay Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, khoản vay này phát sinh trước năm 2007, lãi suất là 7%/năm, thời hạn vay 5 năm.

{12} Khoản vay theo Hợp đồng số 39622.190.54.34801.TD ngày 10/10/2019

Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng;

Lãi suất vay: lãi suất theo từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(*) Các khoản vay ngắn hạn (là các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung) không đánh giá được khả năng trả nợ do có liên quan đến vụ án hình sự đang được điều tra đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Cụ thể các khoản vay như sau:

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	50.928.533.938		-	-	50.928.533.938	
Vay ngân hàng	49.252.809.296		-	-	49.252.809.296	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	24.262.809.296		-	-	24.262.809.296	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nam Hà Nội	24.990.000.000		-	-	24.990.000.000	
Vay Cá nhân	77.820.037		-	-	77.820.037	
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037		-	-	77.820.037	
Tổ chức khác	1.597.904.605		-	-	1.597.904.605	
Công đoàn Công ty	266.725.076		-	-	266.725.076	
Công ty CP sản xuất thép Mitsui Vina	1.331.179.529		-	-	1.331.179.529	
Tổng	50.928.533.938	(*)	-	-	50.928.533.938	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(9.873.453.178)	6.087.272.413	1.414.295.710.682
Lãi trong năm	-	-	-	5.858.652.701	42.746.769	5.901.399.470
Tăng khác trong năm	-	-	-	925.989.562	-	925.989.562
Phân phối Lợi nhuận	-	-	-	(6.684.012.934)	(9.388.240)	(6.693.401.174)
Giảm khác trong năm	-	-	-	(2.030.173.040)	-	(2.030.173.040)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(11.802.996.889)	6.120.630.942	1.412.399.525.500
{1} Số dư tại ngày 01/01/2021	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(11.865.267.735)	36.399.740.932	1.474.193.627.520
Lãi trong năm	-	-	-	49.613.384	35.197.022	84.810.406
Tăng khác trong năm	-	-	-	1.825.003	-	1.825.003
{2} Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.293.215.126)	(149.329.236)	(1.442.544.362)
Giảm khác trong năm	-	-	-	(1.742.789.299)	-	(1.742.789.299)
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(14.849.833.773)	36.285.608.718	1.471.094.929.268

{1} Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.2 “Thông tin so sánh” thuộc Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu tại ngày 01/01/2021 được điều chỉnh hồi tố.

{2} Lợi nhuận chưa phân phối (bao gồm các khoản trích quỹ) tại Công ty mẹ và các Công ty con được tạm phân phối theo Nghị quyết số 592/NQ-ĐHĐCĐTN2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 21/6/2021 và sau khi Bộ Công thương xem xét chấp thuận, nếu có thay đổi, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và biểu quyết theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
1. Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Tổng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

(*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất 1.280.511.999 đồng là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và bốn Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	110.017.470.948	484.246.656.409
Doanh thu bán sản phẩm	664.160.431.305	216.673.595.762
Doanh thu dự án	445.322.195.966	684.606.478.987
Doanh thu khác	1.404.174.578	598.502.373
Tổng	1.220.904.272.797	1.386.125.233.531

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hàng bán bị trả lại	72.986.100	7.477.158
Tổng	72.986.100	7.477.158

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	91.146.058.781	408.433.757.872
Giá vốn của thành phẩm đã bán	583.088.271.015	186.364.983.351
Giá vốn dự án	412.322.039.358	665.271.247.191
Giá vốn khác	376.337.356	732.475.759
Tổng	1.086.932.706.510	1.260.802.464.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.347.463.535	8.682.324.576
Cổ tức lợi nhuận được chia	103.769.000	103.769.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	179.757.195	630.655.070
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	95.579.876	1.341.872
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.963.551.645	127.572.432
Tổng	5.690.121.251	9.545.662.950

6.5 Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	31.032.174.923	21.319.332.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	429.778.131	1.028.579.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	326.570.551	-
Chi phí tài chính khác	428.062.093	256.028.513
Tổng	32.216.585.698	22.603.940.495

6.6 Chi phí bán hàng	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	769.023.462	802.010.997
Chi phí vật liệu quản lý	420.775.600	511.334.254
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.509.880	226.859.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.314.367.394	1.294.161.719
Chi phí bằng tiền khác	1.940.481.178	814.905.885
Tổng	4.448.157.514	3.649.272.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí Quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	51.383.388.202	47.416.911.418
Chi phí vật liệu quản lý	1.043.634.976	1.872.163.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.747.211.699	1.016.075.147
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.989.405.808	9.786.281.567
Thuế, phí và lệ phí	2.579.724.860	3.338.374.239
Trích lập dự phòng	1.142.804.659	857.377.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.338.721.775	12.647.814.717
Chi phí bằng tiền khác	19.892.384.587	25.071.709.433
Tổng	98.117.276.566	102.006.707.704

6.8 Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu tiền bồi thường	1.119.106.657	-
Thuế GTGT, TNDN nộp thừa theo BB kiểm tra thuế	-	3.243.477.600
Thanh lý tài sản cố định	1.118.412.819	621.109.113
Tiền điện, nước, dịch vụ khác	508.960.593	484.965.098
Thanh lý vật tư	401.717.727	-
Thu nhập khác	1.916.434.752	1.374.432.447
Tổng	5.064.632.548	5.723.984.258

6.9 Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt thuế, vi phạm hành chính	1.853.879.136	563.427.471
Thanh lý tài sản cố định	3.650.537.432	-
Tiền điện, nước, dịch vụ khác	454.415.137	484.965.098
Thanh lý vật tư	270.136.925	-
Khấu hao TSCĐ của các tài sản không sử dụng	-	1.500.000.000
Chi phí khác	2.467.860.124	1.818.813.713
Tổng	8.696.828.754	4.367.206.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.10 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.089.675.048	2.056.412.703
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.089.675.048	2.056.412.703

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	49.613.384	5.858.652.701
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.369.949.168)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.613.384	2.488.703.533
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / Cổ phiếu)	0,35	18

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch đối với bên liên quan****Thông tin****Đối tượng****Mối quan hệ****Tỷ lệ sở hữu****Cá nhân**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan của Tổng công ty

*Bao gồm:***Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Trần Quốc Toàn

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Khắc Hải

Thành viên HĐQT

Hoàng Minh Việt

Thành viên HĐQT

Cù Ngọc Phương

Thành viên HĐQT

Nguyễn Thành Nam

Thành viên HĐQT

Trần Thị Thu Trang

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc,
kiêm trưởng ban TCKT

Lê Quốc Hưng

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Phạm Thành Đông

Phó Tổng Giám đốc

Đậu Huy Ngọc Linh

Phó Tổng Giám đốc

Vũ Trung Thực

Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Đình Quang Hòa

Trưởng Ban Kiểm soát

Lê Tuấn Anh

Ủy viên Ban Kiểm soát

Nguyễn Thị Khánh Ly

Ủy viên Ban Kiểm soát

Lê Thị Minh Huyền

Ủy viên Ban Kiểm soát

Tổ chức

Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội

Công ty liên kết

20%

b) Giao dịch với Bên liên quan

Thu nhập của nhân sự chủ chốt	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương và thù lao	1.515.815.331	2.472.426.501
Trần Quốc Toàn		357.354.823	493.040.102
Nguyễn Khắc Hải		-	115.235.465
Hoàng Minh Việt		213.331.109	270.536.393
Cù Ngọc Phương		36.000.000	39.000.000
Nguyễn Thành Nam		35.453.082	122.660.138
Trần Thị Thu Trang		277.232.886	402.275.021
Lê Quốc Hưng		296.816.586	405.090.575
Phạm Thành Đông		143.028.003	279.503.604
Đậu Huy Ngọc Linh		85.385.000	345.085.203
Vũ Trung Thực		71.213.842	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch đối với bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch với Bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của nhân sự chủ chốt	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ban kiểm soát	Tiền lương và thù lao	260.355.665	340.911.994
Đình Quang Hòa		212.355.665	283.016.973
Lê Tuấn Anh		-	23.190.476
Nguyễn Thị Khánh Ly		24.000.000	21.340.909
Lê Thị Minh Huyền		24.000.000	13.363.636

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu so sánh đã được phân loại lại, cụ thể:

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1 - Công ty con của Tổng công ty đã trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 căn cứ theo Biên bản làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 19/11/2021. Theo đó, Tổng Công ty đã trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021.

Tóm lược Bảng Cân đối kế toán hợp nhất sau điều chỉnh

TÀI SẢN	MS	TM	Đơn vị tính: VND		
			01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021
			(Trình bày lại) {1}	(Trước điều chỉnh) {2}	(Chênh lệch) {3} = {1} - {2}
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.657.102.513.936	1.659.500.009.317	(2.397.495.381)
IV. Hàng tồn kho	140		457.908.536.257	460.306.031.638	(2.397.495.381)
1. Hàng tồn kho	141	{1}	459.532.933.621	461.930.429.002	(2.397.495.381)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		967.361.685.700	993.898.016.066	(26.536.330.366)
II. Tài sản cố định	220		687.035.292.346	687.972.405.682	(937.113.336)
1. Tài sản cố định hữu hình	221	{1}	652.548.268.035	653.485.381.371	(937.113.336)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	{1}	(362.121.802.613)	(361.184.689.277)	(937.113.336)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		103.736.445.398	108.661.176.247	(4.924.730.849)
Chi phí xây dựng cơ bản					
1. dở dang	242	{1}	103.736.445.398	108.661.176.247	(4.924.730.849)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		103.161.397.214	123.835.883.395	(20.674.486.181)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	{1}	103.161.397.214	123.835.883.395	(20.674.486.181)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.624.464.199.636	2.653.398.025.383	(28.933.825.747)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Tóm lược Bảng Cân đối kế toán hợp nhất sau điều chỉnh (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	01/01/2021		
		(Trình bày lại) {1}	(Trước điều chỉnh) {2}	(Chênh lệch) {3} = {1} - {2}
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.150.938.847.949	1.241.666.775.716	(90.727.927.767)
I. Nợ ngắn hạn	310	1.095.687.733.158	1.058.884.060.925	36.803.672.233
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 {1}	70.686.193.893	48.983.134.560	21.703.059.332
2. Phải trả ngắn hạn khác	319 {1}	58.840.141.235	43.739.528.334	15.100.612.901
II. Nợ dài hạn	330	55.251.114.791	182.782.714.791	(127.531.600.000)
1. Phải trả dài hạn khác	337 {1}	1.953.769.681	129.485.369.681	(127.531.600.000)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.473.525.351.687	1.411.731.249.667	61.794.102.020
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.474.193.627.520	1.412.399.525.500	61.794.102.020
1. Quỹ đầu tư phát triển	418 {1;2}	32.227.046.285	649.783.409	31.577.262.876
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(11.865.267.735)	(11.802.996.889)	(62.270.846)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a {1}	(12.543.193.873)	(14.291.700.420)	1.748.506.547
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b {1;2}	677.926.138	2.488.703.531	(1.810.777.393)
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429 {2}	36.399.740.932	6.120.630.942	30.279.109.990
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.624.464.199.636	2.653.398.025.383	(28.933.825.747)

{1} Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1 (Công ty con của Tổng Công ty) trình bày lại một số chỉ tiêu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 căn cứ theo Biên bản làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 19/11/2021.

{2} Tổng Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu tương ứng do ảnh hưởng của các bút toán {1}.

Người lập



Đào Văn Thắng

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Hưng